TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Sáu và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trương Quang H**– sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Yên T** – sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: thôn T1, xã An C, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa anh Trương Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/5/2015 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu mới kết hôn anh chị còn yêu thương nhau nhưng trong quá trình sống chung được một thời gian đến khi sinh con thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không hợp tính và cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả với nhau và với gia đình chồng, cuộc sống không hạnh phúc và chị T thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ: thôn T1, xã An C, huyện A, tỉnh Phú Yên từ 02 năm nay và cũng từ năm 2022, anh chị không còn sống chung với nhau. Anh thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục

duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Trương Hoàng N – sinh ngày 03/8/2015. Cháu N đang sống với chị T, cháu N và có nguyện vọng ở với chị T. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con chung cho chị T anh đã cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000đ từ tháng 9/2023 đến tháng 03/2024. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, cụ thể, tại biên bản hòa giải ngày 16/11/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Yên T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đúng như anh H trình bày về quá trình chung sống và mâu thuẫn trong hôn nhân. Chị thừa nhận trong quá trình sống chung, vợ chồng có cãi nhau và có mâu thuẫn với gia đình chồng, tuy nhiên đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, không có gì trầm trọng, chị về nhà cha mẹ ở vì anh H đi học không có ở nhà. Hiện nay chị vẫn còn tình cảm với anh H và thương con, không muốn gia đình tan vỡ. Do đó chị không đồng ý ly hôn, mong Tòa cho đoàn tụ.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Hải, hiện cháu N đang sống với chị và có nguyện vọng tiếp tục sống với chị, do đó nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu Tòa giao con cho chị nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trương Quang Hkhởi kiện yêu cầu ly hôn với chi Nguyễn Thị Yên T. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa anh H và chị T xảy ra mâu thuẫn, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 04/5/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, anh H đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do cãi vả, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp, anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2022. Hội đồng xét xử thấy giữa anh H và chị T không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, tại phiên hòa giải ngày 16/11/2023, chị T thống nhất với trình bày của anh H về mâu thuẫn gia đình và cho rằng đây là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, không có gì trầm trọng nhưng chị T không cố gắng cải thiện quan hệ vợ chồng mà vẫn sống tại nhà cha mẹ ruột từ năm 2022 là không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa các bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Về con chung: anh H và chị T có 01 con chung tên Trương Hoàng N – sinh ngày 03/8/2015. Cháu N đang sống với chị T, cháu N có nguyện vọng muốn sống cùng với chị T. Chị T đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Anh H đồng ý nhường quyền nuôi con chung cho chị T và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Ngày 29/02/2024 và ngày 13/3/2024, anh H đã thực hiện nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, giao cháu Trương Hoàng N – sinh ngày 03/8/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Trương Quang H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sở thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Trương Quang H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Yên T.

[2] Về con chung: giao cháu Trương Hoàng N – sinh ngày 03/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Yên T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về Tài sản chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trương Quang H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0009727, ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên nên còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An.

* Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND TT. T;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương